

Thái Thượng

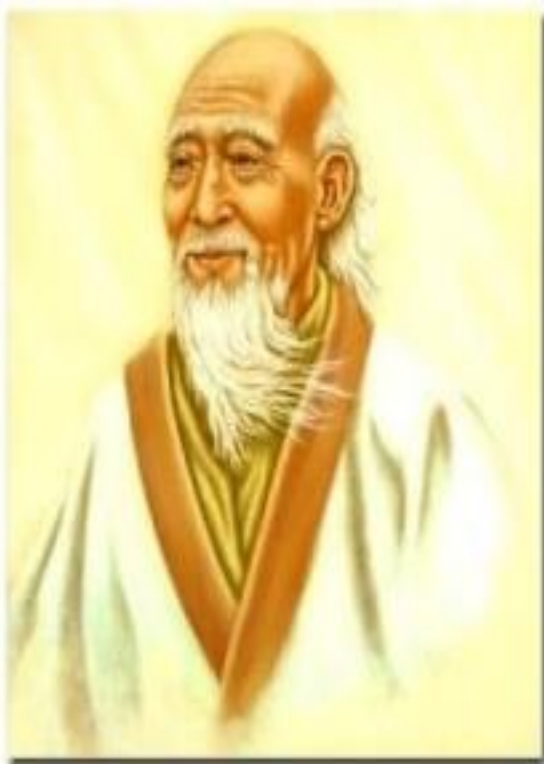
Cảm Ứng

THIÊN

Dịch giả: Lê Anh Minh



Thái Thượng Cảm Ứng Thiên là một quyển sách khuyến thiện đệ nhất trong kho tàng kinh điển của Đạo gia, được Ấn Quang Đại Sư hết sức tán thán. Ấn Quang Đại Sư một đời cung kính ấn tống Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, ước khoảng có hơn ba triệu bản. Hơn nữa Lý Bình Nam cư sĩ, Tịnh Không Lão Pháp Sư cũng đều khích lệ thế nhân "Khuyến đọc, khuyến hành, khuyến in, khuyến giảng".



Quyển sách này cùng với Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh là ba căn bản của Nho-Thích-Đạo, bất luận là ai cũng phải từ ba căn bản này mà học tập vun bồi cội rễ, như thế mới có thể đạt được thành tựu chân thật trong một đời.

Lão Tử tức Thái Thượng Lão Quân là một nhà tư tưởng vĩ đại của Trung Hoa cổ đại, là người sáng lập trường phái Đạo gia (đạo Lão). Ông tên thật là Lý Nhĩ, tên thường gọi là lão Đan, người làng Khúc Nhân, hương Lệ, nước Sở. Ông làm chức quan giữ sách nhà Chu, học rộng biết nhiều, sau về quê ở ẩn.

Đến đời Tần-Hán, các đạo sĩ thuộc phái Đạo gia thờ Lão Tử nhưng không còn quan tâm nghiên cứu triết học Lão-Trang mà chỉ toàn lo bàn chuyện tu tiên, luyện thuốc trường sinh bất tử. Phái Đạo gia suy dần, tuy nhiên những tư tưởng của Lão Tử thì đã trở nên bất tử với thời gian. Theo các nhà nghiên cứu, tư tưởng của Lão Tử không chỉ là một triết học nhân sinh mà còn là vũ trụ quan tiên báo khoa học hiện đại.

Thái Thượng Cảm Ứng Thiên

Dịch giả: Lê Anh Minh

Nguyên văn:

太極真人誦曰：太上垂訓感應之篇。日誦一遍，滅罪消愆。受持一月，福祿彌堅。行之一年，七祖昇天。久行不怠，名列諸仙。

Phiên âm:

Thái Cực Chân Nhân tụng viết: Thái Thượng thùy huấn Cảm Ứng chi thiên. Nhật tụng nhất biến, diệt tội tiêu khiên. Thọ trì nhất nguyệt, phúc lộc di kiên. Hành chi nhất niên, thất tổ thăng thiên. Cửu hành bất đãi, danh liệt chư tiên.

Dịch:

Thái Cực Chân Nhân bảo rằng: Thái Thượng

rủ lòng thương mà dạy [người đời] thiên Cảm Ứng này. Mỗi ngày [con người] đọc thuộc một lần thì dứt tuyệt mọi tội lỗi. Thọ trì [hay trì tụng] một tháng thì phúc lộc càng bền. Tụng một năm thì thất tổ siêu thăng [cõi trời]. Trì tụng không bê trễ thì tên [của người tụng] sẽ được ghi vào sổ bộ chư tiên.

1. 明義 MINH NGHĨA

Nguyên văn:

太上曰：禍福無門惟人自召。善惡之報如影隨形。

Phiên âm:

Thái Thượng viết: Họa phúc vô môn duy nhân tự triệu. Thiện ác chi báo như ảnh tùy hình.

Dịch:

Thái Thượng nói: Họa và phúc không có cửa nẻo [nhất định] mà do con người triệu vời đến

cho mình. Sự báo ứng của điều thiện và điều ác [bám sát lấy con người] như cái bóng đi theo thân hình.

2. 鑑察 GIÁM SÁT

Nguyên văn:

是以, 天地有司過之神, 依人所輕重以奪人算. 算減則貧耗, 多逢憂患, 人皆惡之, 刑禍隨之, 吉慶避之, 惡星災之, 算盡則死. 又有三台北斗神君, 在人頭上, 錄人罪惡, 奪其紀算. 又有三尸神在人身中, 每到庚申日, 輒上詣天曹, 言人罪過. 月晦之日, 灶神亦然. 凡人有過, 大則奪紀, 小則奪算. 其過大小有數百事. 欲求長生者, 先須避之.

Phiên âm:

Thị dĩ, thiên địa hữu Tư Quá chi Thần, y nhân sở khinh trọng dĩ đoạt nhân toán. Toán giảm tắc bản hao, đa phùng ưu hoạn, nhân giai ố chi, hình họa tùy chi, cát khánh tị chi, ác tinh tai chi. Toán tận tắc tử. Hựu hữu Tam Thai, Bắc Đẩu Thần Quân tại nhân đầu thượng, lục nhân tội ác, đoạt kỳ kỳ toán. Hựu hữu Tam Thi

Thần tại nhân thân trung, mỗi đáo Canh Thân nhật, triếp thượng nghệ Thiên Tào, ngôn nhân tội quá. Nguyệt hồi chi nhật, Táo Thần diệc nhiên. Phàm nhân hữu quá, đại tắc đoạt kỳ, tiểu tắc đoạt toán. Kỳ quá đại tiểu hữu số bách sự. Dục cầu trường sinh giả, tiên tu tị chi.

Dịch:

Cho nên trời đất có [đặt ra] các vị thần trông coi tội lỗi của người đời. Căn cứ vào tội nặng nhẹ mà giảm bớt tuổi thọ của họ. Giảm thọ ắt phải nghèo khổ, hao tổn, thường gặp hoạn nạn, sâu khổ. Rồi mọi người đều ghét bỏ kẻ ác. Hình phạt và tai họa đeo bám theo kẻ ác. Những sự hạnh phúc vui vẻ đều không xảy đến cho họ. Ác tinh [sao chủ về điều ác] gieo tai họa cho họ. Tuổi thọ hết ắt phải chết. Lại có Thần Tam Thai [coi về tuổi thọ] và Thần Bắc Đẩu [xem xét tội lỗi người đời] ở trên đầu con người và ghi chép tội ác của người đời để trừ bớt tuổi thọ của họ. Lại có Thần Tam Thi

trong thân thể con người, mỗi khi đến ngày Canh Thân tức thì lên thẳng đến Thiên Tào báo cáo tội lỗi người đời. Đến ngày cuối tháng âm lịch, Táo Quân cũng có phạt sự giống như vậy. Người đời tội lớn thì bị giảm thọ 12 năm, lỗi nhỏ thì bị giảm thọ 100 ngày. Tội lỗi lớn nhỏ của con người tính ra có đến hàng mấy trăm. Cho nên muốn sống lâu thì trước tiên phải tránh xa tội lỗi.

3. 積善 TÍCH THIỆN

Nguyên văn:

是道則進, 非道則退. 不履邪徑. 不欺暗室. 積德累功. 慈心於物. 忠孝友悌. 正己化人. 矜孤恤寡. 敬老懷幼. 昆蟲草木, 猶不可傷. 宜憫人之凶. 樂人之善. 濟人之急. 救人之危. 見人之得如己之得. 見人之失如己之失. 不彰人短, 不衒己長. 遏惡揚善. 推多取少. 受辱不怨. 受寵如驚. 施恩不求報. 與人不追悔.

Phiên âm:

Thị đạo tắc tiến, phi đạo tắc thoái. Bất lý tà kính. Bất khi ám thất. Tích đức lũy

công. Từ tâm ư vật. Trung, hiếu, hữu, đễ. Chính kỷ hóa nhân. Căng cô tuất quả. Kính lão hoài ấu. Côn trùng thảo mộc, do bất khả thương. Nghi mẫn nhân chi hung. Lạc nhân chi thiện. Tế nhân chi cấp. Cứu nhân chi nguy. Kiến nhân chi đắc như kỷ chi đắc. Kiến nhân chi thất như kỷ chi thất. Bất chương nhân đoản, bất huyệt kỷ trường. Át ác dương thiện. Thôi đa thủ thiếu. Thụ nhục bất oán. Thụ sủng nhược kinh. Thi ân bất cầu báo. Dĩ nhân bất truy hối.

Dịch:

Đường đúng thì đi tới, đường sai thì tránh lui. Không đi đường tắt lối nhỏ sai quấy. Không được khinh thường nhà tối. Phải tích lũy công đức. Phải có lòng từ bi lân mẫn đối với muôn loài. Phải hết lòng với người, có hiếu với cha mẹ, anh em thương nhau. Tự sửa mình rồi hãy dạy người. Thương xót cứu giúp cô nhi và

quả phụ. Kính trọng người già và an ủi vỗ về trẻ nhỏ. Không tổn hại côn trùng và cây cỏ. Phải thương hại kẻ ác [vì họ u mê]. Phải vui mừng chia sẻ với người hành thiện. Cứu giúp người bị nguy cấp. Thấy người được [thì vui] như mình được. Thấy người mất mát [thì buồn] như mình mất mát. Không phô bày sự kém cỏi của người. Không khoe khoang cái hay của mình. Ngăn chặn người sắp làm điều ác. Biểu dương người làm điều thiện. Khi phải chia chác đồ vật, nhường người phần nhiều và giữ cho mình phần ít. Gặp nhục không oán. Được sủng ái phải sợ. Giúp người chớ mong báo đáp. Cho ai vật gì rồi thì đừng nghĩ lại mà hối tiếc.

4. 善報 THIÊN BÁO

Nguyên văn:

所為善人，人皆敬之，天道佑之，福緣隨之，眾邪遠之，神靈衛之，所作必成，神仙可冀。欲求天仙者，當立一千三百善。欲求地仙者，當立三百善。

Phiên âm:

Sở vi thiện nhân, nhân giai kính chi, thiên đạo hựu chi, phúc lộc tùy chi, chúng tà viễn chi, thần linh vệ chi, sở tác tất thành, thần tiên khả ký. Dục cầu thiên tiên giả, đương lập nhất thiên tam bách thiện. Dục cầu địa tiên giả, đương lập tam bách thiện.

Dịch:

Người [được xem là] thiện lương thì ai ai cũng kính trọng. Trời giúp đỡ họ. Phúc lộc đi theo bên họ. Mọi tà quái tránh xa họ, [vì họ được] thần linh hộ vệ. Mọi việc họ làm đều thành công. Họ có thể hy vọng trở thành thần tiên: muốn trở thành thiên tiên thì phải làm 1300 điều thiện, muốn trở thành địa tiên thì phải làm 300 điều thiện.

5. 諸惡 (上) CHƯ' ÁC (THƯ'ỢNG)

Nguyên văn:

苟或非義而動, 背理而形, 以惡為能, 忍作殘害, 陰賊良善, 暗侮君親, 慢其先生, 叛其所事, 誑諸無識, 謗諸同學, 虛誣詐偽攻訐宗親, 剛強不仁, 狠戾自用, 是非不當, 向背乖宜. 虐下取功, 諂上希旨, 受恩不感, 念怨不休, 輕蔑天民, 擾亂國政, 賞及非義, 刑及無辜, 殺人取財, 傾人取位, 誅降戮服, 貶正排賢, 陵孤逼寡, 棄法取賂, 以直為曲, 以曲為直, 入輕為重, 見殺加怒, 知過不改, 知善不為, 自罪引他, 壅塞方術, 訕謗聖賢, 侵陵道德, 射飛逐走, 發蟄驚棲, 填穴覆巢, 傷胎破卵, 願人有失, 毀人成功, 危人自安, 滅人自益, 以惡易好, 以私廢公, 竊人之能, 蔽人之善, 形人之醜, 訐人之私, 耗人貨財, 離人骨肉, 侵人所,

助人為非, 逞志作威, 辱人求勝, 敗人苗稼, 破人婚姻, 苟富而驕, 苟免無恥, 認恩推過, 嫁禍賣惡, 沽買虛譽, 包貯險心, 挫人所長, 護己所短, 乘威迫脅, 縱暴殺傷, 無故剪裁, 非禮烹宰, 散棄五穀, 勞擾眾生, 破人之家取其財寶, 決水放火以害民居, 紊亂規模以敗人功, 損人器物以窮人用, 見他榮貴願他流貶, 見他富有願他破散, 見他色美起心私之, 負他財貨願他身死, 干求不遂便生咒恨, 見他失便便說他過, 見他體相不具而笑之, 見他才能可稱而抑之,...

Phiên âm:

Cầu hoặc phi nghĩa nhi động, bõ lý nhi hành, dĩ ác vi năng, nhĩn tác tàn hại, âm tặc lương thiện, ám vũ quân thân,

mạn kỳ tiên sinh, bần kỳ sở sự, cưỡng
chư vô thức, báng chư đồng học, hư vu
trá ngục công yết tông thân, cương
cường bất nhân, ngạn lệ tự dụng, thị phi
bất đàng, hưởng bồi quai nghi, ngược hạ
thủ công, siểm thượng hy chỉ, thụ ân
bất cảm, niệm oán bất hưu, khinh miệt
thiên dân, nhiễu loạn quốc chính, thưởng
cập phi nghĩa, hình cập vô cô, sát nhân
thủ tài, khuynh nhân thủ vị, tru hàng lục
phục, biếm chính bài hiền, lăng cô bức
quả, khí pháp thụ lộ, dĩ trực vi khúc, dĩ
khúc vi trực, nhập khinh vi trọng, kiến
sát gia nô, tri quá bất cải, tri thiện bất
vi, tự tội dẫn tha, ung tắc phương thuật,
sán báng thánh hiền, xâm lăng đạo đức,
xạ phi trực tấu, phát trập kinh thê, diễn
huyệt phúc sào, thương thai phá noãn,
nguyện nhân hữu thất, hủy nhân thành
công, nguy nhân tự an, giảm nhân tự
ích, dĩ ác dịch hảo, dĩ tư phế công, thiết

nhân chi năng, tế nhân chi thiện, hình nhân chi xú, yết nhân chi tư, hao nhân hoá tài, ly nhân cốt nhục, xâm nhân sở ái, trợ nhân vi phi, sính chí tác uy, nhục nhân cầu thẳng, bại nhân miêu giá, phá nhân hôn nhân, cầu phú nhi kiêu, cầu miễn vô sỉ, nhận ân thôï quá, giá họa mại ác, cô mãi hư dự, bao trữ hiểm tâm, tảo nhân sở trường, hộ kỹ sở đoản, thừa uy bức hiếp, tủng bạo sát thương, vô cớ tiền tài, phi lễ phanh tế, tán khí ngũ cốc, lao nhiều chúng sinh, phá nhân chi gia thủ kỳ tài bảo, quyết thủy phóng hỏa dĩ hại dân cư, văn loạn qui mô dĩ bại nhân công, tổn nhân khí vật dĩ cùng nhân dụng, kiến tha vinh quý nguyện tha lưu biếm, kiến tha phú hữu nguyện tha phá tán, kiến tha sắc mỹ khởi tâm tư chi, phụ tha hóa tài nguyện tha thân tử, can cầu bất toại tiện sinh chú hận, kiến tha thất tiện tiện thuyết tha quá, kiến tha

thể tướng bất cự nhi tiểu chi, kiến tha tài năng khả xưng nhi ức chi,...

Dịch:

Nếu như ai mà hành động những điều phi nghĩa trái đạo lý (như sau đây):

- (1) Lấy thủ đoạn độc ác làm tài năng của mình,
- (2) Nhẫn tâm làm điều tàn ác độc hại,
- (3) Lén hại người lương thiện,
- (4) Thăm khinh cha mẹ,
- (5) Khinh khi thầy dạy,
- (6) Phản bội nơi mình phục vụ, làm việc,
- (7) Lừa bịp người không hiểu biết,
- (8) Chê bai bạn học,
- (9) Dối trá lật lọng, công kích họ hàng thân tộc,
- (10) Hung bạo không thương người,
- (11) Tự có những thủ đoạn độc ác,
- (12) Chẳng cần biết đúng sai phải quấy,
- (13) Tráo trở ngược xuôi,
- (14) Bạo ngược đối với kẻ dưới để lập công,

- (15) Nịnh bợ cấp trên, đón ý để trục lợi,
- (16) Nhận ơn ai, chẳng biết cảm động,
- (17) Luôn ôm lòng oán hận không dứt,
- (18) Khinh bỉ Trời và dân chúng,
- (19) Gây rối loạn chính trị trong nước,
- (20) Khen thưởng kẻ phi nghĩa,
- (21) Trừng phạt kẻ vô tội,
- (22) Giết người cướp của,
- (23) Lật đổ người khác để chiếm địa vị của họ,
- (24) Giết kẻ đầu hàng,
- (25) Giáng chức người ngay, bài trừ người hiền,
- (26) Lãng nhục cô nhi, bức hại goá phụ,
- (27) Bỏ qua pháp luật để ăn hối lộ,
- (28) Lấy thẳng làm cong, lấy cong làm thẳng,
- (29) Tội người nhẹ mà làm cho nặng thêm,
- (30) Thấy người khác bị tội chết mà còn oán giận,
- (31) Biết lỗi mà không sửa,

- (32) Biết điều thiện mà không làm,
- (33) Mình có tội, làm liên lụy kẻ khác,
- (34) Cản trở tài năng người khác,
- (35) Chê bai báng bổ thánh hiền,
- (36) Phá hỏng đạo đức,
- (37) Săn bắt chim thú,
- (38) Phá lỗ hang loài vật, làm kinh động chỗ chim đậu,
- (39) Lấp lỗ hang và lật úp tổ chim,
- (40) Phá thai hại trứng,
- (41) Mong cho người khác thất bại,
- (42) Hủy bỏ sự thành công của người khác,
- (43) Làm người khác lâm nguy để cho mình yên ổn,
- (44) Làm người khác hao tổn để cho mình ích lợi,
- (45) Xem điều ác là điều tốt,
- (46) Vì việc riêng tư mà phế bỏ việc công,
- (47) Trộm cắp tài năng của người khác,

- (48) Che lấp việc tốt của người khác,
- (49) Phổ bày tướng xấu và điều xấu của người khác,
- (50) Xoi bói chuyện riêng của người khác,
- (51) Làm cho người khác hao tổn tài vật,
- (52) Chia rẽ tình cốt nhục của người khác,
- (53) Xâm phạm tình yêu của người khác,
- (54) Giúp người khác làm điều quấy,
- (55) Phô trương uy quyền cho phỉ lòng,
- (56) Lãng nhục người khác để giành phần thắng,
- (57) Làm thất bại việc cày cấy của người khác,
- (58) Phá hoại hôn nhân của người khác,
- (59) Mới giàu có chút đỉnh đã kiêu căng,
- (60) Chạy tội, không biết xấu hổ,
- (61) Mạo nhận ân huệ, chối biến tội lỗi,
- (62) Gieo họa cho người khác,
- (63) Mua bán danh hão,
- (64) Chết chửa lòng dạ sâu hiểm,

- (65) Ém tài và cản trở tài năng người khác,
- (66) Bảo vệ chỗ non kém của mình,
- (67) Cậy quyền thế bức hiếp người khác,
- (68) Dung túng kẻ bạo ngược để giết hoặc gây thương tích người khác,
- (69) Không có lý do chính đáng mà cắt xén tĩa bỏ vật gì,
- (70) Không có lẽ lạc mà giết mổ súc vật,
- (71) Vung vãi bỏ đi ngũ cốc,
- (72) Làm chúng sinh lao nhọc, phiền nhiễu,
- (73) Phá hoại gia cang người khác,
- (74) Giữ lấy tài vật quý báu của người khác,
- (75) Phá đê điều và đốt nhà làm hại dân cư,
- (76) Làm loạn phép tắc để cộng người khác bị thất bại,
- (77) Phá hư dụng cụ, đồ nghề của người khác khiến họ không còn gì để dùng,
- (78) Thấy người vinh hiển phú quý thì mong cho họ bị giáng chức và lưu đày,

- (79) Thấy người giàu có thì mong cho họ hao tán của cải,
(80) Thấy vợ hay con gái người ta xinh đẹp thì nảy lòng muốn tư thông,
(81) Thiếu nợ người tiền bạc của cải thì mong cho họ chết,
(82) Mong cầu địa vị bổng lộc mà không toại nguyện thì sinh lòng oán hận chưởi rủa,
(83) Thấy người thất lợi thì rêu rao lỗi lầm của họ,
(84) Thấy người khác hình hài tướng tá không toàn vẹn thì chê cười,
(85) Thấy người tài giỏi, bề ngoài thì tán dương nhưng trong lòng thì tìm cách đè nén họ.

6. 諸惡 (下) CHƯ' ÁC (HẠ)

Nguyên văn:

埋蟲厭人, 用藥殺樹, 恚怒師傅, 抵觸父兄, 強取強求, 好侵好奪, 擄

掠致富, 巧詐求遷, 賞罰不平, 逸樂過節, 荷虐其下, 恐嚇於他, 怨天尤人, 呵風罵雨, 鬥合爭訟, 妄逐朋黨, 用妻妾語違父母訓, 得新忘故, 口是心非, 貪冒於財, 欺罔其上, 造作惡語, 讒毀平人, 毀人稱直, 罵神稱正, 棄順效逆, 背親向疏, 指天地以證鄙懷, 引神明而鑑猥事, 施與後悔, 假借不還, 分外營求, 力上施設, 淫欲過度, 心毒貌慈, 穢食餒人, 左道惑眾, 短尺狹度, 輕秤小升, 以偽雜真, 採取姦利, 壓良為賤, 謾驀愚人, 貪婪無厭, 咒詛求直, 嗜酒悖亂, 骨肉忿爭, 男不忠良, 女不柔順, 不知其室, 不敬其夫, 每好矜誇, 常行妒忌, 無行於妻子, 失禮於舅姑, 輕慢先靈, 違逆上命, 作為無益, 懷挾外心, 自咒咒他, 偏憎偏愛, 越井越灶, 跳食跳人, 損子墮胎, 行多隱僻, 晦臘歌舞, 朔旦號怒, 對北涕唾及溺, 對灶吟詠及哭, 又以灶火燒香, 穢柴作食, 夜起裸露, 八節行刑, 唾流星指紅霓, 輒指三光, 久視日月, 春月燎臘, 對北惡罵, 無故殺龜打蛇.

Phiên âm:

Mai cổ yếm nhân, dụng dược sát thụ,
nhuế nô sư phó, để xúc phụ huynh,
cưỡng thủ cường cầu, háo xâm háo đoạt,
lỗ lược trí phú, xảo trá cầu thiên, thưởng
phạt bất bình, dật lạc quá tiết, hà ngược
kỳ hạ, khủng hách ư tha, oán thiên vưu
nhân, ha phong mạ vũ, đấu hiệp tranh

tụng, vọng trực bằng đảng, dụng thê
thiếp ngữ vi phụ mẫu huấn, đắc tân
vong cổ, khẩu thị tâm phi, tham mạo ư
tài, khi võng kỳ thượng, tạo tác ác ngữ,
sàm hủy bình nhân, hủy nhân xưng
trực, mạ thần xưng chính, khí thuận hiệu
nghịch, bồi thân hưởng sơ, chỉ thiên địa
dĩ chứng bỉ hoại, dẫn thần minh nhi giám
ôi sự, thí dữ hậu hối, giả tá bất hoàn,
phận ngoại doanh cầu, lực thượng thi
thiết, dâm dục quá độ, tâm độc mạo tử,
uế thực ủy nhân, tả đạo hoặc chúng,
đoản xích hiệp độ, khinh xứng tiểu
thăng, dĩ ngục tạp chân, thái thủ gian
lợi, áp lương vi tiện, mạn mạch ngu
nhân, tham lam vô yếm, chú thư cầu
trực, thị tửu bột loạn, cốt nhục phần
tranh, nam bất trung lương, nữ bất nhu
thuận, bất tri kỳ thất, bất kính kỳ phu,
mỗi háo căng khoa, thường hành đồ kỵ,
vô hạnh ư thê tử, thất lễ ư cữu cô, khinh

mạn tiên linh, vi nghịch thượng mệnh,
tác vi vô ích, hoài hiệp ngoại tâm, tự
chú chú tha, thiên tăng thiên ái, việt tỉnh
việt táo, khiêu thực khiêu nhân, tổn tử
đọa thai, hành đa ẩn tịch, hồi lạc ca vũ,
sóc đán hiệu nộ, đối bắc thể thóa cập
niệu (nịch), đối táo ngâm vịnh cập khốc,
hựu dĩ táo hỏa thiêu hương, uế sài tác
thực, dạ khởi lỏa lộ, bát tiết hành hình,
thóa lưu tinh, chỉ hồng nghê, triếp chỉ
tam quang, cửu thị nhật nguyệt, xuân
nguyệt liệu lạc, đối bắc ác mạ, vô cố sát
qui đả xà.

Dịch:

- (86) Chôn bùa ếm hại người,
- (87) Dùng thuốc để hại cây cối,
- (88) Oán giận thầy dạy chữ và dạy nghề,
- (89) Xung đột với cha và anh,
- (90) Lấy ngang cướp đoạt của ai,

- (91) Thích xâm lấn chiếm đoạt của ai,
(92) Cướp bóc để trở nên giàu có,
(93) Xảo trá cầu thăng quan tiến chức,
(94) Thường phạt không công bằng,
(95) Dâm dật hưởng lạc không kiềm chế,
(96) Hà khắc ngược đãi thuộc hạ,
(97) Đe dọa ai làm cho họ phải sợ,
(98) Oán trời hận người,
(99) Mắng gió chửi mưa,
(100) Tranh đấu kiện tụng,
(101) Kéo bè kết đảng để làm điều quấy,
(102) Nghe lời vợ mà không nghe lời dạy
của cha mẹ,
(103) Có mới nới cũ,
(104) Miệng nói phải, lòng nói trái,
(105) Tham lam mạo nhận tiền của,
(106) Khinh thường, khუất lấp đối với bề
trên,

- (107) Nói lời ác độc,
(108) Gièm siểm người khác,
(109) Hại người, tự cho mình ngay thẳng,
(110) Chưởi rửa thần thánh, tự xưng mình ngay thẳng,
(111) Bỏ thuận theo nghịch,
(112) Phản bội thân thuộc, đi theo người ngoài,
(113) Chỉ trời chỉ đất để làm chứng cho lòng dạ xấu xa,
(114) Gọi thần minh chứng giám cho việc quấy,
(115) Trước tặng cho người, sau hối tiếc,
(116) Mượn vay không trả,
(117) Cầu mong quá phận mình,
(118) Cố hết sức mưu cầu phú quý,
(119) Dâm dục quá mức,
(120) Lòng dạ sâu hiểm nhưng bề ngoài ra vẻ hiền lành,

- (121) Đưa thức ăn dơ cho người ăn,
(122) Dùng bàng môn tả đạo để bịp đời,
(123) Dùng thước non thước thiếu để đo
đạc cho người,
(124) Cân nhẹ, thăng non,
(125) Lấy sự gian trá làm hỗn loạn chân
lý,
(126) Tuyển chọn gian lợi,
(127) Đè nén người lương thiện để họ
nghèo mạt,
(128) Khinh khi gạt gẫm kẻ khờ khạo,
(129) Tham lam không biết chán,
(130) Trước thần linh thề láo cho mình là ngay
thẳng,
(131) Ham nhậu nhẹt quậy phá,
(132) Anh em ruột thịt giận nhau tranh giành
nhau,
(133) Trai không trung lương,
(134) Gái không nhu thuận,

- (135) Chồng bỏ bê nhà cửa,
(136) Vợ không biết trọng chồng,
(137) Thích kiêu căng khoác lác,
(138) Thường ganh ghét đố kỵ,
(139) Chồng không đức hạnh đối với vợ
con,
(140) Vợ không lễ phép với cha mẹ
chồng,
(141) Khinh thường tổ tiên đã khuất,
(142) Vi phạm mệnh lệnh của bề trên,
(143) Làm chuyện tầm phào vô ích,
(144) Âm thầm sinh lòng khác,
(145) Rửa mình, rửa người,
(146) Ghét yêu thiên vị,
(147) Bước qua giếng và bếp lò,
(148) Nhảy qua thức ăn, nhảy qua thân
mình người khác,
(149) Tổn hại con cái, phá thai,

- (150) Hành vi ám muội,
(151) Ngày cuối tháng, cuối năm ca
múa,
(152) Ngày đầu tháng đầu năm khóc la
giận hờn,
(153) Day về hướng Bắc khóc, hỉ mũi,
khạc nhổ, tiểu tiện,
(154) Trước ông Táo ngâm vịnh, khóc
lóc, hoặc đốt nhang trong bếp lò,
(155) Củi dơ nấu ăn,
(156) Đêm tối loã lồ,
(157) Ngày bát tiết thi hành hình phạt,
(158) Khạc nhổ về phía sao băng,
(159) Tay chỉ cầu vồng,
(160) Thường chỉ trở nhật nguyệt tinh,
(161) Nhìn lâu mặt trời mặt trăng,
(162) Mùa xuân đốt rừng săn bắn,

(163) Day về hướng bắc chửi rửa độc
địa,

(164) Không có lý do mà đánh giết răn
rùa.

7. 惡報 ÁC BÁO

Nguyên văn:

如是等罪, 司命隨其輕重, 奪其紀算. 算盡則死. 死有餘責, 乃殃及子孫. 又諸橫取人財者, 乃計其妻子家口當之, 漸至死喪, 若不死喪則有水火盜賊, 遺忘器物, 疾病口舌諸事, 以當妄取之直. 又枉殺人者, 是易刀兵而相殺也. 取非義之財者, 譬如漏脯救饑, 鳩酒止渴, 非不暫飽死亦及之.

Phiên âm:

Như thị đẳng tội, Tư Mệnh tùy kỳ khinh
trọng, đoạt kỳ kỷ toán. Toán tận tắc tử.
Tử hữu dư trách, nãi ương cập tử tôn.
Hựu chư hoạn thủ nhân tài giả, nãi kế

kỳ thê tử gia khẩu đang chi, tiệm chí tử tang, nhược bất tử tang, tắc hữu thủy hỏa đạo tặc, di vong khí vật, tật bệnh khẩu thiệt chư sự, dĩ đang vọng thủ chi trực. Hựu uổng sát nhân giả, thị dịch đao binh nhi tương sát dã. Thủ phi nghĩa chi tài giả, thí như lậu phụ cứu cơ, trăm tửu chỉ khát, phi bất tạm bão, tử diệc cập chi.

Dịch:

Như những tội ấy, thần Tư Mệnh tùy theo nặng nhẹ mà bớt tuổi thọ của kẻ gây tội. Tuổi thọ hết thì chết, nhưng nếu chết mà chưa hết tội thì con cháu sẽ gánh chịu tai ương. Lại như có kẻ cướp giật ngang ngược tiền tài của người khác thì vợ con và toàn gia đình hấn cũng gánh chịu, dần dần cho đến chết; nếu không chết thì cũng bị tai họa nước lửa hoặc trộm cướp, mất mát đồ vật, tật bệnh, mắc lời ăn tiếng nói, v.v. coi như là cái giá phải trả cho

thói cướp giật ngang ngược. Lại có kẻ giết oan người khác rồi đây cũng bị giết trở lại giống như đôi gươm giáo mà giết nhau. Còn kẻ ôm giữ tiền của phi nghĩa, giống như dùng thịt độc và rượu độc để khỏi đói khát, chẳng no lòng tí nào mà cái chết thì cận kề vậy.

8. 指微 CHỈ VI

Nguyên văn:

夫心起於善, 善雖未為而吉神已隨之. 或心起於惡, 惡雖未為而凶神已隨之.

Phiên âm:

Phù tâm khởi ư thiện, thiện tuy vị vi nhi cát thần dĩ tùy chi. Hoặc tâm khởi ư ác, ác tuy vị vi nhi hung thần dĩ tùy chi.

Dịch:

Hễ tâm dấy khởi một điều thiện (thiện niệm) thì

tuy điều thiện chưa làm nhưng thiện thần đã đi theo mình rồi. Hoặc tâm dấy khởi một điều ác (ác niệm) thì tuy điều ác chưa làm nhưng ác thần đã đi theo mình rồi.

9. 悔過 HỐI QUÁ

Nguyên văn:

其有曾行惡事, 後自改悔, 諸惡莫作, 眾善奉行, 久久必獲吉慶, 所謂轉禍為福也.

Phiên âm:

Kỳ hữu tăng hành ác, hậu tự cải hối, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, cửu cửu tất hoạch cát khánh, sở vị chuyển họa vi phúc dã.

Dịch:

Đã từng làm ác mà sau đó tự hối cải, không

làm mọi điều ác nữa, (tuân theo luật nhân quả) làm mọi điều thiện. Được thế, lâu ngày ắt có sự tốt lành. Đó gọi là chuyển họa thành phúc vậy.

10. 律定 LUẬT ĐỊNH

Nguyên văn:

故吉人語善, 視善, 行善, 一日有三善, 三年天必降之福. 凶人語惡, 視惡, 行惡, 一日行三惡, 三年天必降之禍. 胡不勉而行之.

Phiên âm:

Cố, cát nhân ngữ thiện, thị thiện, hành thiện, nhất nhật hữu tam thiện, tam niên thiên tất giáng chi phúc. Hung nhân ngữ ác, thị ác, hành ác, nhất nhật hành tam ác, tam niên thiên tất giáng chi họa. Hồ bất miễn nhi hành chi?

Dịch:

Vậy cho nên, người hiền lành nói điều lành, xem điều lành, và làm điều lành. Mỗi ngày làm ba điều lành thì ba năm trời ban phúc cho. Còn

người ác nói điều ác, xem điều ác, và làm điều ác. Mỗi ngày làm ba điều ác thì ba năm trời giáng họa cho. Tại sao lại không cố gắng mà làm điều lành đi?

